



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĂN BẢN HỢP NHẤT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 112 /2026/VBHN-TT-NHNN

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối**

Thông tư số 26/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc triển khai nhiệm vụ quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023.

2. Thông tư số 54/2024/TT-NHNN ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2025.

3. Thông tư số 17/2026/TT-NHNN ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực quản lý ngoại hối liên quan đến phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 07 năm 2026.

4. Thông tư số 48/2026/TT-NHNN ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2021/TT-NHNN hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao dịch;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối¹.

¹ Thông tư số 12/2023/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 50/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc triển khai nhiệm vụ quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.”

Thông tư số 54/2024/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.”

Thông tư số 17/2026/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực quản lý ngoại hối liên quan đến phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính.”

Thông tư số 48/2026/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2021/TT-NHNN hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.”

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

Điều 2. Hoạt động của Ngân hàng Nhà nước trên thị trường ngoại tệ trong nước

Ngân hàng Nhà nước thực hiện giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ trong nước với tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối theo phương án can thiệp do Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối (sau đây gọi là tổ chức tín dụng được phép).

2. Giao dịch mua, bán ngoại tệ giao ngay (sau đây gọi là giao dịch giao ngay) là giao dịch hai bên thực hiện mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm giao dịch và thanh toán trong vòng 02 (hai) ngày làm việc liền kề sau ngày giao dịch.

3. Giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn (sau đây gọi là giao dịch kỳ hạn) là giao dịch hai bên cam kết mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ theo một mức tỷ giá xác định tại thời điểm giao dịch và ngày thanh toán tối thiểu là 03 (ba) ngày làm việc liền kề sau ngày giao dịch.

4. Giao dịch hoán đổi ngoại tệ (sau đây gọi là giao dịch hoán đổi) là giao dịch giữa hai bên, bao gồm một giao dịch mua và một giao dịch bán cùng số lượng một đồng tiền này với một đồng tiền khác với tỷ giá của hai giao dịch xác định tại thời điểm giao dịch và ngày thanh toán của hai giao dịch là khác nhau. Giao dịch hoán đổi bao gồm hai giao dịch giao ngay hoặc hai giao dịch kỳ hạn hoặc một giao dịch giao ngay và một giao dịch kỳ hạn.

5. Giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ (sau đây gọi là giao dịch quyền chọn) là giao dịch giữa hai bên, trong đó bên mua trả cho bên bán giá mua quyền chọn để có quyền nhưng không có nghĩa vụ mua hoặc bán một đồng tiền này với một đồng tiền khác trong một khoảng thời gian do hai bên thỏa thuận theo tỷ giá thực hiện được xác định tại thời điểm giao dịch và thanh toán vào một ngày trong tương lai. Nếu bên mua lựa chọn thực hiện quyền, bên bán phải thực hiện theo nghĩa vụ cam kết. Trong giao dịch quyền chọn, quyền chọn bán đồng tiền này đồng thời là quyền chọn mua đồng tiền khác.

6. Giá mua quyền chọn là số tiền mà bên mua phải trả cho bên bán để mua quyền chọn mua ngoại tệ hoặc mua quyền chọn bán ngoại tệ trong giao dịch quyền chọn.

7. Ngày đáo hạn của giao dịch quyền chọn là ngày cuối cùng mà bên mua được quyền lựa chọn thực hiện quyền nhưng tối đa không quá 02 (hai) ngày làm việc trước ngày thanh toán.

8. Ngày giao dịch là ngày Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng được phép xác lập thỏa thuận giao dịch theo quy định tại Thông tư này.

9. Ngày thanh toán là ngày Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng được phép thực hiện chuyển giao số lượng đồng tiền mua, bán theo thỏa thuận giao dịch đã xác lập vào ngày giao dịch.

10.² (được bãi bỏ)

11. Hướng dẫn thanh toán chuẩn là chỉ dẫn thanh toán được tổ chức tín dụng được phép đăng ký với Ngân hàng Nhà nước, trong đó xác định rõ tài khoản thanh toán được sử dụng trong giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ

1.³ Tổ chức tín dụng được phép có nhu cầu thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước nộp trực tuyến thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến của Ngân hàng Nhà nước hoặc nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký thiết lập giao dịch ngoại tệ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2.⁴ Ngân hàng Nhà nước thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép trên cơ sở bộ hồ sơ đảm bảo đầy đủ, hợp lệ.

3. Với mỗi tổ chức tín dụng được phép, Ngân hàng Nhà nước chỉ thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ với 01 (một) đầu mối đại diện là trụ sở chính hoặc 01 (một) chi nhánh của tổ chức tín dụng được phép do tổ chức tín dụng được phép đăng ký với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ⁵

Hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ bao gồm:

1. Giấy đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hướng dẫn thanh toán chuẩn cho các giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

Điều 6. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ⁶

Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng được phép về việc đồng ý hoặc không đồng ý thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ (trường hợp không đồng ý, ngân hàng Nhà nước nêu rõ lý do).

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi hoặc bổ sung, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng được phép trong vòng 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ. Tổ chức tín dụng được phép sửa đổi, bổ sung hồ sơ và gửi đến Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Đồng tiền giao dịch, tỷ giá mua, bán và giá mua quyền chọn

1. Ngân hàng Nhà nước giao dịch mua, bán Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp thực hiện giao dịch mua, bán Đồng Việt Nam và loại ngoại tệ khác, Ngân hàng Nhà nước thông báo cho tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ.

2. Tỷ giá mua, tỷ giá bán của từng loại hình giao dịch, giá mua quyền chọn mua, giá mua quyền chọn bán ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước quyết định và thông báo cho tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ.

Điều 8. Loại hình giao dịch

Ngân hàng Nhà nước giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ bằng các loại hình giao dịch sau đây:

1. Giao dịch giao ngay.
2. Giao dịch kỳ hạn.
3. Giao dịch hoán đổi.
4. Giao dịch quyền chọn.

5. Các loại hình giao dịch khác do Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.

Điều 9. Kỳ hạn của giao dịch

⁶ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 17 của Thông tư số 17/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

Kỳ hạn của giao dịch kỳ hạn, giao dịch kỳ hạn trong giao dịch hoán đổi, giao dịch quyền chọn theo thông báo của Ngân hàng Nhà nước trong phương án can thiệp ngoại tệ quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.

Điều 10. Phương tiện và ngôn ngữ giao dịch

1. Ngân hàng Nhà nước giao dịch với tổ chức tín dụng được phép qua hệ thống giao dịch điện tử của hãng Refinitiv, hãng Bloomberg, thông qua điện thoại hoặc các phương tiện giao dịch khác do Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.

2. Giao dịch ngoại tệ đã được xác nhận trên các phương tiện giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này được coi là cam kết không thay đổi. Trường hợp thay đổi hoặc hủy bỏ phải được hai bên giao dịch thống nhất.

3. Trong trường hợp giao dịch ngoại tệ được thực hiện qua điện thoại, tổ chức tín dụng được phép cần đảm bảo điện thoại phải có chức năng ghi âm, lưu trữ và truy xuất được nội dung thỏa thuận giao dịch. Sau khi thỏa thuận qua điện thoại, trong ngày giao dịch, Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng được phép xác nhận lại bằng văn bản (văn bản giấy hoặc điện tử) do cấp có thẩm quyền ký duyệt.

4. Ngôn ngữ sử dụng trong giao dịch thông qua các phương tiện giao dịch là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

Điều 11. Thời gian giao dịch

1. Thời gian giao dịch ngoại tệ chính thức của Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng được phép theo giờ làm việc hành chính của Ngân hàng Nhà nước vào các ngày làm việc trong tuần.

2. Trường hợp phát sinh giao dịch ngoại tệ ngoài thời gian giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng được phép phải tổ chức thực hiện các giao dịch thông suốt, an toàn, đảm bảo quản lý rủi ro.

Điều 12. Quy trình giao dịch

1. Ngân hàng Nhà nước thông báo việc can thiệp ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ qua một trong các phương tiện sau:

- a) Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước;
- b) Các phương tiện giao dịch quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

2. Tổ chức tín dụng được phép có nhu cầu giao dịch ngoại tệ gửi đề nghị đến Ngân hàng Nhà nước qua các phương tiện giao dịch quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này, đồng thời gửi văn bản đề nghị giao dịch ngoại tệ theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối⁷) chậm nhất 16 giờ của ngày giao dịch (trừ trường hợp Ngân hàng Nhà

⁷ Cụm từ “Sở Giao dịch” được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước” theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 12/2023/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023; được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

nước có thông báo khác). Văn bản đề nghị giao dịch ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép gửi đến Ngân hàng Nhà nước bằng bản gốc hoặc bản quét (scan) bản gốc qua thư điện tử. Trường hợp tổ chức tín dụng được phép gửi bản quét (scan) qua thư điện tử, bản gốc văn bản đề nghị giao dịch ngoại tệ phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch.

Văn bản đề nghị giao dịch ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép phải được người có thẩm quyền trong danh sách đã gửi Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này ký duyệt.

3. Căn cứ đề nghị giao dịch ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép và phương án can thiệp của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước xem xét, thỏa thuận và xác lập giao dịch với tổ chức tín dụng được phép thông qua một trong các phương tiện giao dịch quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

4. Sau khi giao dịch được xác lập giữa hai bên thông qua một trong các phương tiện giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này, xác nhận giao dịch phải được gửi qua hệ thống SWIFT (Society for Worldwide Interbank and Financial Telecommunication) hoặc các phương tiện khác do Ngân hàng Nhà nước quyết định.

Điều 13. Thanh toán giao dịch

1.⁸ Thanh toán cho giao dịch ngoại tệ phải được thực hiện theo hướng dẫn thanh toán chuẩn do tổ chức tín dụng được phép đăng ký với Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp ngày thanh toán trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ, Tết của thị trường ngoại tệ Việt Nam và/hoặc của thị trường xử lý thanh toán đối với đồng ngoại tệ trong giao dịch thì ngày thanh toán được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp.

3.⁹ Trường hợp thanh toán chậm so với ngày thanh toán theo thỏa thuận giao dịch giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng được phép, bên thanh toán chậm phải chịu mức phạt như sau:

a) Nếu bằng đồng ngoại tệ, mức phạt bằng 150% lãi suất qua đêm do ngân hàng đại lý thanh toán của bên bị thanh toán chậm áp dụng trên tài khoản thanh toán chuẩn nhận ngoại tệ tại thời điểm phát sinh tính trên số tiền và số ngày chậm trả;

b) Nếu bằng Đồng Việt Nam, mức phạt bằng 150% lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm phát sinh thanh toán chậm tính trên số tiền và số ngày chậm trả.

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

3a.¹⁰ Trường hợp phát sinh sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc thanh toán chậm thì không áp dụng khoản 3 Điều này. Việc xác định sự kiện bất khả kháng được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Điều 14. Tạm ngừng giao dịch, hủy quan hệ giao dịch

1.¹¹ Ngân hàng Nhà nước tạm ngừng giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép trong thời hạn 03 (ba) tháng trong trường hợp không gửi báo cáo hoặc gửi báo cáo không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này từ 03 (ba) lần trở lên trong 03 (ba) tháng liên tiếp trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư này.

2.¹² Ngân hàng Nhà nước tạm ngừng giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép trong trường hợp tổ chức tín dụng được phép bị:

a) Tạm ngừng giao dịch ngoại tệ theo quy định tại Quyết định Kiểm soát đặc biệt;

b) Đình chỉ hoạt động ngoại hối.

3. Ngân hàng Nhà nước hủy quan hệ giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép trong trường hợp tổ chức tín dụng được phép bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng được phép nêu rõ lý do về việc tạm ngừng, hủy quan hệ giao dịch.

Điều 15. Chế độ thông tin báo cáo

1. Tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối¹³) theo quy định sau:

a) Trường hợp không sử dụng hệ thống giao dịch của hãng Refinitiv, thực hiện báo cáo tình hình giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng khác theo quy định chế độ báo cáo hiện hành của Ngân hàng Nhà nước;

b)¹⁴ Trường hợp có sử dụng hệ thống giao dịch của hãng Refinitiv, thực hiện báo cáo theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quy trình báo cáo giao dịch ngoại tệ qua hệ thống giao dịch của hãng Refinitiv.

Kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch ngoại tệ qua hệ thống giao dịch của hãng Refinitiv, các tổ chức tín dụng được phép phải báo cáo giao dịch được thực hiện

¹⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

¹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 54/2024/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2025.

¹³ Cụm từ “Sở Giao dịch” được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước” theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 12/2023/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023; được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

¹⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 54/2024/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2025.

trên hệ thống giao dịch của hãng Refinitiv trong vòng 15 phút. Trong trường hợp các bên không thực hiện giao dịch trên hệ thống giao dịch của hãng Refinitiv, việc báo cáo giao dịch phải được các tổ chức tín dụng được phép thực hiện trên hệ thống giao dịch của hãng Refinitiv trong vòng 45 phút.

2.¹⁵ Tổ chức tín dụng được phép phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) về các thay đổi thông tin đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục 2 và Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tổ chức tín dụng được phép được miễn trách nhiệm tuân thủ thời gian thực hiện báo cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Thông tư này trong trường hợp xảy ra các sự cố bất khả kháng sau:

a) Lỗi kết nối đường truyền từ hệ thống máy chủ chứa dữ liệu báo cáo của tổ chức tín dụng được phép đến Ngân hàng Nhà nước có nguyên nhân bắt nguồn từ nhà cung cấp dịch vụ đường truyền;

b) Hệ thống giao dịch của hãng Refinitiv gặp sự cố kỹ thuật có nguyên nhân bắt nguồn từ nhà cung cấp dịch vụ của hãng Refinitiv;

c) Các trường hợp mất điện bắt nguồn từ nguyên nhân khách quan hoặc nhà cung cấp điện;

d) Hệ thống máy chủ báo cáo của Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố kỹ thuật;

đ) Các trường hợp khác bắt nguồn từ các nguyên nhân khách quan.

4. Ngay sau khi sự cố nêu tại khoản 3 Điều này được khắc phục, tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm báo cáo những giao dịch đã hoàn tất cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối¹⁶). Các bước thực hiện báo cáo những giao dịch này thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quy trình báo cáo giao dịch ngoại tệ qua hệ thống giao dịch của hãng Refinitiv.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC PHÉP VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 16. Tổ chức tín dụng được phép

1. Tổ chức tín dụng được phép chịu trách nhiệm về:

a) Giao dịch do các giao dịch viên của tổ chức tín dụng được phép thực hiện thông qua các phương tiện giao dịch đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước;

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

¹⁶ Cụm từ “Sở Giao dịch” được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước” theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 12/2023/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023; được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

tính xác thực đối với thẩm quyền của cá nhân liên quan trong các giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước;

b) Tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ và chấp hành đúng thời gian yêu cầu đối với các văn bản, hồ sơ, báo cáo gửi đến Ngân hàng Nhà nước.

2. Tổ chức tín dụng được phép chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định hiện hành về hoạt động trong lĩnh vực ngoại hối và phải bảo đảm:

a) Có quy trình, hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ chặt chẽ đối với các hoạt động giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước;

b) Chấp hành quy định về trạng thái ngoại tệ và các quy định về đảm bảo an toàn khác trong hoạt động kinh doanh ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Cục Quản lý ngoại hối¹⁷

1. Xử lý hồ sơ, xem xét và xác nhận với tổ chức tín dụng được phép về việc đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép.

2. Thông báo việc can thiệp ngoại tệ và thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước; thông báo tỷ giá tham khảo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

3.¹⁸ Xác định số tiền phạt và xử lý việc thanh toán chậm tại khoản 3 và khoản 3a Điều 13 Thông tư này.

4. Thực hiện việc tạm ngừng giao dịch, hủy quan hệ giao dịch đối với các tổ chức tín dụng được phép theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

5.¹⁹ Thông báo cho Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực về danh sách tổ chức tín dụng được phép trong phạm vi quản lý được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ, tạm ngừng và hủy quan hệ giao dịch ngoại tệ.

6. Đầu mối giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng được phép.

Điều 18. Vụ Chính sách tiền tệ

1. Thông báo phương án can thiệp của Ngân hàng Nhà nước đã được phê duyệt cho Cục Quản lý ngoại hối²⁰.

¹⁷ Cụm từ “Sở Giao dịch” được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước” theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 12/2023/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023; được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

¹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

¹⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

²⁰ Cụm từ “Sở Giao dịch” được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước” theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 12/2023/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023; được thay thế

2. Phối hợp với Cục Quản lý ngoại hối²¹ giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng được phép.

Điều 18a. Sở Giao dịch²²

Phối hợp với Cục Quản lý ngoại hối xử lý việc thanh toán chậm tại khoản 3 và khoản 3a Điều 13 Thông tư này.

Điều 19. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực²³

1. Cung cấp bản sao (sao y hoặc sao lục) Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hoặc Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản chứng minh tổ chức tín dụng được phép kinh doanh cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước thuộc phạm vi quản lý do Ngân hàng Nhà nước cấp trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Cục Quản lý ngoại hối và cập nhật kịp thời cho Cục Quản lý ngoại hối khi có sửa đổi, bổ sung liên quan đến các văn bản nêu trên.

2. Thông báo kịp thời cho Cục Quản lý ngoại hối khi tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước thuộc phạm vi quản lý bị đặt vào kiểm soát đặc biệt; bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng; vi phạm các quy định tại Thông tư này.

Điều 19a. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước²⁴

Thông báo kịp thời cho Cục Quản lý ngoại hối khi tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước bị đình chỉ hoạt động ngoại hối.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²⁵

bởi cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

²¹ Cụm từ “Sở Giao dịch” được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước” theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 12/2023/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023; được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

²² Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

²³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

²⁴ Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

²⁵ Các Điều 12, 13 và 14 của Thông tư số 12/2023/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Sở Giao dịch tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hạch toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến dự trữ ngoại hối nhà nước cho đến khi Thống đốc quyết định về việc phân công nhiệm vụ hạch toán giữa Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước và Sở Giao dịch.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

2. Bãi bỏ các Thông tư:

a) Thông tư số 02/2012/TT-NHNN ngày 27 tháng 02 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn giao dịch hối đoái giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 27/11/2023.

2. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau:

a) Khoản 2, khoản 11, khoản 12, khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2014/TT-NHNN ngày 10/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc tổ chức thực hiện hoạt động quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước;

b) Khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 12/2015/TT-NHNN ngày 28/8/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 06/2013/TT-NHNN ngày 12/3/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động mua, bán vàng miếng trên thị trường trong nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 37/2018/TT-NHNN ngày 25/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về xác định, trích lập, quản lý và sử dụng khoản dự phòng rủi ro của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam./."

Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 54/2024/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2025 quy định như sau:

"Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 02 năm 2024./."

Các Điều 18, 19 và 20 của Thông tư số 17/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 07 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ Điều 2, khoản 3 Điều 4, Điều 11, Điều 13, Điều 14, Điều 16 và Điều 19 Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh, khoản cho vay ra nước ngoài và khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế đã được xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi được xác định theo Thông tư số 22/2013/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 78/2025/TT-NHNN và Thông tư số 37/2013/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 78/2025/TT-NHNN.

2. Trường hợp đối tượng thực hiện thủ tục hành chính đã nộp hồ sơ theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục xem xét xử lý thủ tục hành chính theo quy định tại các thông tư có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.

Điều 20. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./."

Điều 11 và Điều 12 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

2. Bãi bỏ quy định tại Điều 3 Thông tư số 12/2023/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc triển khai nhiệm vụ quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này."

b) Thông tư số 27/2013/TT-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2012/TT-NHNN ngày 27 tháng 02 năm 2012 hướng dẫn giao dịch hối đoái giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Thông tư số 45/2014/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2012/TT-NHNN ngày 27 tháng 02 năm 2012 hướng dẫn giao dịch hối đoái giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 21. Quy định chuyển tiếp

Tổ chức tín dụng được phép đã thiết lập quan hệ giao dịch hối đoái với Ngân hàng Nhà nước trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước theo các quy định tại Thông tư này, không phải làm thủ tục đăng ký lại với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Giám đốc Sở Giao dịch, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

PHỤ LỤC 1²⁶

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-NHNN ngày 25 tháng 9 năm 2026
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**Tên tổ chức tín dụng
được phép**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY ĐĂNG KÝ THIẾT LẬP QUAN HỆ
GIAO DỊCH NGOẠI TỆ VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Cục Quản lý ngoại hối)

Tên Tổ chức tín dụng được phép:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Trụ sở chính hoặc chi nhánh đại diện giao dịch:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Các phương tiện giao dịch đăng ký:

Hệ thống giao dịch:

Mã (code) giao dịch:

Điện thoại giao dịch:

Giấy phép thành lập và hoạt động số ... ngày

Danh sách những người có thẩm quyền trong giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng
Nhà nước như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký
Người có thẩm quyền ký duyệt Đề nghị giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước		
1...		
2...		
...		
Người có thẩm quyền ký xác nhận giao dịch (*)		
1...		

²⁶ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

2...		
...		

Người có thẩm quyền ký duyệt Đề nghị giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng nhà nước và người có thẩm quyền ký xác nhận giao dịch là Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức tín dụng được phép (gọi chung là người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng được phép)

() Ký xác nhận giao dịch trong trường hợp giao dịch bằng điện thoại.*

(Tổ chức tín dụng được phép) xin đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước và cam kết chấp hành đúng các quy định tại Thông tư số 26/2021/TT-NHNN về hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC PHÉP**

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2²⁷

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-NHNN ngày 25 tháng 9 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**Tên tổ chức tín dụng
được phép**

...., ngày...tháng....năm..

BIC Code:

**HƯỚNG DẪN THANH TOÁN CHUẨN CHO CÁC GIAO DỊCH NGOẠI
TỆ VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Loại đồng tiền	Hướng dẫn thanh toán	Liên hệ <i>(tên thanh toán viên và điện thoại liên hệ)</i>
VND	Tại Ngân hàng: Số tài khoản Code CITAD	
USD	Tại Ngân hàng: Số tài khoản: Code SWIFT/ Code CITAD	
Ghi chú: - Khi có thay đổi nội dung hướng dẫn thanh toán, tổ chức tín dụng được phép phải gửi lại hướng dẫn thanh toán mới theo mẫu này tới Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) trước thời điểm hiệu lực. Chỉ đăng ký với USD và VND, các loại ngoại tệ khác đăng ký khi có thông báo của Ngân hàng Nhà nước. - Chỉ cung cấp 01 (một) hướng dẫn thanh toán chuẩn đối với đồng USD và 01 (một) hướng dẫn thanh toán chuẩn đối với đồng VND.		

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ
CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC PHÉP**

(Ký tên, đóng dấu)

²⁷ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

PHỤ LỤC 3²⁸

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-NHNN ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**Tên tổ chức tín dụng
được phép**

....., ngày...tháng....năm....

ĐỀ NGHỊ GIAO DỊCH NGOẠI TỆ VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Cục Quản lý ngoại hối)

1. Mục đích, lý do mua/bán ngoại tệ:
2. Ngày giao dịch:
3. Loại hình giao dịch:
4. Số lượng đăng ký giao dịch ngoại tệ:
5. Tổng trạng thái ngoại tệ của ngày làm việc trước ngày đề nghị mua/ bán ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước (Theo quy định về trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước từng thời kỳ; theo từng loại hình giao dịch):
6. Thông tin khác (theo từng loại hình giao dịch)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN KÝ DUYỆT

(Ký tên, đóng dấu)

²⁸ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

PHỤ LỤC 4²⁹

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-NHNN ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**Tên tổ chức tín dụng
được phép**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm

GIẤY ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI/BỔ SUNG THÔNG TIN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Cục Quản lý Ngoại hối)

Tên Tổ chức tín dụng được phép:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Trụ sở chính hoặc chi nhánh đại diện giao dịch:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị Ngân hàng nhà nước Việt Nam thay đổi/bổ sung thông tin đăng ký của chúng tôi như sau:

I. THAY ĐỔI THÔNG TIN TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC PHÉP

Thông tin	Thông tin thay đổi (*)
Tên Tổ chức tín dụng được phép	
Địa chỉ	
Điện thoại	
Trụ sở chính hoặc chi nhánh đại diện giao dịch	
Địa chỉ	

²⁹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 48/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

Điện thoại	
Hệ thống giao dịch	
Mã (code) giao dịch	
Điện thoại giao dịch	
Giấy phép thành lập và hoạt động (số, ngày)	
.....	

(*) TCTD được phép chỉ liệt kê các nội dung cần thay đổi thông tin

II. THAY ĐỔI/BỔ SUNG THÔNG TIN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN TRONG GIAO DỊCH NGOẠI TỆ VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Danh sách thay đổi/ bổ sung những người có thẩm quyền trong giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký
Người có thẩm quyền ký duyệt Đề nghị giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước		
1...		
2...		
...		
Người có thẩm quyền ký xác nhận giao dịch (*)		
1...		
2...		
...		

Người có thẩm quyền ký duyệt Đề nghị giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng nhà nước và người có thẩm quyền ký xác nhận giao dịch là Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức tín dụng được phép (gọi chung là người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng được phép)

(*) Ký xác nhận giao dịch trong trường hợp giao dịch bằng điện thoại.

(Tổ chức tín dụng được phép) xin đăng ký thay đổi/bổ sung các thông tin như trên và cam kết chấp hành đúng các quy định tại Thông tư số 26/2021/TT-NHNN về hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC PHÉP**

(Ký tên, đóng dấu)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Văn phòng (để đăng trên Cổng thông tin điện tử NHNN VN);
- Lưu: VP, PC1.



Đoàn Thái Sơn